

Số: 02/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 08/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh Bùi Thanh P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 593 Duy T, phường Đăk C, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Đảng uỷ xã Kon P, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cước công dân số: 062079000717; cấp ngày 28/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

+ Chị Trương Thị Nguyên T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 788 Phan Đình P, phường Đăk C, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cước công dân số: 062182000089; cấp ngày 13/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh P và chị Trương Thị Nguyên T kết hôn hợp pháp; tuy nhiên đến nay hai đương sự xác định phát sinh nhiều mâu thuẫn không hoà hợp được, thường xuyên cãi vã, bất hoà về mọi thứ mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can, động viên, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả; nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên anh P, chị T thống nhất thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Bùi Thanh P và chị Trương Thị Nguyên T xác nhận vợ chồng có 02 con chung và thống nhất thỏa thuận như sau: Khi ly hôn, giao cháu Bùi K, sinh ngày 25/12/2012 cho mẹ là chị Trương Thị Nguyên T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Đối với cháu Bùi P, sinh ngày 04/11/2007, cháu P đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi K với số tiền 8.000.000 đ (*Tám triệu đồng*)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu Bùi K đủ 18 tuổi và sống tự lập được.

[3] Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không đề cập xem xét.

[4] Về lệ phí sơ thẩm yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và gia đình (*Thuận tình ly hôn*): là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), người yêu cầu phải chịu. Số tiền này anh P và chị T thỏa thuận, mỗi người chịu 150.000 đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Bùi Thanh P và chị Trương Thị Nguyên T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Giao cháu Bùi K, sinh ngày 25/12/2012 cho mẹ là chị Trương Thị Nguyên T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và sống tự lập được.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh Bùi Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi K với số tiền 8.000.000 đ (*Tám triệu đồng*)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu Bùi K đủ 18 tuổi và sống tự lập được.

**Trách nhiệm do chậm cấp dưỡng:** Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự. Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng và chị Trương Thị Nguyên T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Thanh P không cấp dưỡng hoặc cấp dưỡng không đủ số tiền phải cấp dưỡng nêu trên, thì anh Bùi Thanh P phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng. Lãi suất do chậm cấp dưỡng được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

\* Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Bùi Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không được

làm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- **Về tài sản chung:** Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí sơ thẩm yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và gia đình (Thuận tình ly hôn): là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), người yêu cầu phải chịu. Số tiền này anh P và chị T thỏa thuận, mỗi người chịu 150.000 đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh Bùi Thanh P và chị Trương Thị Nguyên T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000593 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Anh P và chị T đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 10 – Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 10;
- UBND phường Kon T, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Xong**